

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**Bản án: 26/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 30 /01 /2024
V/v: Tranh chấp ly hôn**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Tường Nga

Hội thẩm nhân dân: Ông (bà) Nguyễn Thị Cúc

Ông (bà) Bùi Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Duy – Thư ký.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 534/2023/TLST–HNGĐ ngày 06/11/2023 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 12/01/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐ -HPT ngày 23 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm: 1980

Địa chỉ: 12B7, tổ 7 phường PĐ, quận LB, TP HN

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân T- sinh năm: 1978

Địa chỉ: 12B7, tổ 7 phường PĐ, quận LB, TP HN

(Anh T, chị H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Tôi và anh Đỗ Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện GL, thành phố HN. Sau khi kết hôn với nhau năm 2002, đến tháng 8 năm 2022, chúng tôi phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, giữa chúng tôi không còn tình cảm với nhau, không còn yêu thương, quý trọng chăm sóc lẫn nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân mâu thuẫn: Giữa hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách và suy nghĩ, không cùng chung quan điểm sống. Từ khi kết hôn đến nay, hai vợ chồng không thường xuyên chia sẻ và tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề của cuộc sống, thường xuyên cãi vã. Sau những chuyện trên xảy ra, tôi quyết định dọn

về nhà mẹ đẻ của tôi là bà Trần Thị L, sống ly thân từ ngày 1/8/2023. Sau khi ly thân, anh T nhiều lần đến nhà mẹ đẻ tôi quấy tháo, làm phiền gây ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình tôi cũng như hàng xóm xung quanh. Tôi đề nghị được giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là: Cháu Đỗ Tuấn A, sinh ngày 03/06/2004 và cháu Đỗ Tâm Đ, sinh ngày 23/09/2017. Sau khi ly hôn, tôi đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đỗ Tâm Đ, anh T đóng góp phí tổn nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân T trình bày:

Về điều kiện kết hôn đúng như Chị H trình bày. Năm 2020 tôi sang bên Myanmar làm việc, thường 2 tháng tôi về nhà một lần. do tính chất công việc và áp lực khoản nợ mua nhà chưa thanh toán hết nên tôi chấp nhận đi xa lần 2, đến T8/2020 do dịch covid 19 nên tôi xin về nước tránh dịch. Trong thời gian tôi đi làm việc, vợ tôi tham gia câu lạc bộ âm nhạc xứ thanh, do bà ngoại làm trong ban quản trị. Tôi không hiểu chuyện tình như thế nào. Vợ Anh T gọi điện và nhắn tin, gửi các tin nhắn và hình ảnh vợ tôi và Anh T tình tứ với nhau. Có các cuộc hẹn. Vợ tôi nhắn tin trực tiếp xin lỗi cô ấy. Tôi có nói chuyện với vợ tôi tại sao như vậy, cô ấy, trả lời chỉ bình thường, không có gì. Trong khi đó vợ của anh T ra HN đi tìm vợ tôi để đánh ghen. Vụ việc này tôi cũng tạm thời bỏ qua xem như sự việc chỉ nằm mức độ ngoại tình trong tư tưởng, chưa ảnh hưởng nhiều đến việc hạnh phúc trong gia đình, mặt khác anh em họ hàng bên ngoại đã phân tích, khuyên giải cho vợ tôi việc này. Đến tháng 8 năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và sống ly thân từ đó đến nay do nhiều nguyên nhân và vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nếu Chị H cương quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với

tôi, tôi cũng đồng ý ly hôn với điều kiện chia tài sản chung theo tỉ lệ: Chị H hưởng 30%, tôi hưởng 70%. Vì Chị H là người xin ly hôn còn tôi là người nỗ lực hàn gắn.

Về con chung:

Chúng tôi có 02 con chung là cháu Đỗ Tuấn A, sinh ngày 03/06/2004 và cháu Đỗ Tâm Đ, sinh ngày 23/09/2017. Nếu Chị H chứng minh đủ điều kiện nuôi con thì tôi đồng ý để Chị H nuôi con, tôi đồng ý đóng góp 5.000.000đ (Năm triệu đồng/tháng) phí tổn nuôi con. Thời điểm này, tôi xin được đóng 3.500.000đ/ tháng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng/tháng). Vì Chị H vẫn đang thu tiền thuê nhà được 3.000.000đ/tháng. Quan điểm của tôi xác nhận của công ty Nhật Hưng về thu nhập của Chị H là không đúng vì Chị H chỉ đi bán mỹ phẩm thu nhập không ổn định (việc này tôi nắm được nhưng không có tài liệu chứng minh).

Về tài sản chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

**** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên:***

- **Về tố tụng:** Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Xác định hôn nhân giữa Chị H và anh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã GT, huyện GL, thành phố HN (nay là phường GT, quận LB, Thành phố Hà Nội) ngày 09/12/2002 là hôn nhân hợp pháp, nay tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Chị H yêu cầu xin ly hôn là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

- Con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Tuấn A (sinh ngày 03/06/2004) và cháu Đỗ Tâm Đ (sinh ngày 23/09/2017). Cháu Tuấn A đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Cháu Tâm Đ còn nhỏ, là con gái nên phù hợp để mẹ trực tiếp chăm sóc. Bản thân Chị H có nơi ở và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Do vậy giao cháu Đan cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở.

Về cấp dưỡng; quá trình giải quyết vụ án; anh chị đã thống nhất mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng. Thu nhập trung bình của anh T từ tháng 7 đến nay (theo tài liệu anh T cung cấp) khoảng 30.000.000 đồng, mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng là gần 20% thu nhập của anh T; do vậy đây cũng là mức cấp dưỡng hợp lý.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có yêu cầu, anh chị có thể khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết 326/2016 về án phí lệ phí phiên tòa,

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Đỗ Xuân T.

+ Con chung: Cháu Đỗ Tuấn A đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Giao cháu Đỗ Tâm Đ (sinh ngày 23/09/2017) cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng

Các đương sự phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 25/9/2023, chị Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Xuân Thiên, hiện đang ở tại: Tổ 7 phường PĐ, quận LB, thành phố Hà Nội. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc: “Tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/12/2002 tại UBND xã GT, huyện GL, TP HN. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, Chị H và anh T đều xác định, anh chị có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và cách sống, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Anh T có quan điểm nếu Chị H cương quyết xin ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn. nếu thoả thuận được về tỉ lệ phân chia tài sản chung. Hội đồng xét xử thấy

mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Tuấn A, sinh ngày 03/06/2004 và cháu Đỗ Tâm Đ, sinh ngày 23/09/2017.

Cháu Tuấn A đã đủ 18 tuổi, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, Chị H đề nghị được nuôi cháu Tâm Đ, chị yêu cầu anh T đóng góp 5.000.000đ/ tháng cấp dưỡng nuôi con.

Anh T đồng ý để Chị H được nuôi cháu Tâm Đ và tự nguyện đóng 5.000.000đ/ tháng nhưng thời điểm này Chị H đang thu tiền thuê nhà nên anh đóng 3.000.000đ/ tháng nếu Chị H chứng minh được thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con.

Xét thấy Chị H hiện nay đang ở nhà cùng mẹ đẻ, anh chị đều có nhà đất là tài sản chung, và nhà cho thuê. Chị H hiện đang làm việc tại công ty CP đầu tư và thương mại Nhật Hưng thu nhập trung bình 11.000.000/ tháng, ngoài ra có các thu nhập từ công việc khác đảm bảo điều kiện nuôi con, cháu Tâm Đan là con gái nên giao cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh T có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho Chị H là 5.000.000đ/ tháng, việc bù trừ đóng góp nuôi con vào tiền cho thuê nhà do anh chị tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

* Quan điểm và đề nghị của đại diện VKSND quận Long Biên tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của HĐXX.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đỗ Xuân T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Các đương được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xổ:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Xuân T. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đỗ Xuân T.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đỗ Tuấn A sinh ngày 03/06/2004 và cháu Đỗ Tâm Đ sinh ngày 23/09/2017.

Cháu Đỗ Tuấn A đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Giao cháu Đỗ Tâm Đ sinh ngày 23/09/2017 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng/tháng cho Chị H kể từ tháng 2/2024 cho đến khi cháu Đỗ Tâm Đ trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung, nhà ở và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị H đã nộp theo biên lai số 0018275 ngày 06/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên. Nay chuyển thành án phí.

Anh Đỗ Xuân T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án cấp dưỡng nuôi con.

13. Về quyền kháng cáo.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Q. Long Biên;
- Chi cục THADSQ. Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Tường Nga